

NĂM 2010 TIẾP TỤC ĐƯA CÁC CHÍNH SÁCH KÍCH THÍCH KINH TẾ VÀO CUỘC SỐNG

HỮU HẠNH

Từ cuối năm 2008, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới đã có những tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta. Thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, tiếp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ - CP ngày 11-12-2008, Chính phủ đã liên tiếp ban hành một số chính sách cụ thể về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

1 - Những giải pháp kích thích kinh tế đã được triển khai

Trước hết, về nhóm giải pháp hỗ trợ lãi suất tín dụng cho các tổ chức, cá nhân vay vốn tại các ngân hàng thương mại (NHTM), Quỹ Tín dụng trung ương (QTD) và các công ty tài chính. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành cơ chế hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại NHTM và công ty tài chính, bao gồm: (1) Hỗ trợ lãi suất với mức 4%/năm cho các khoản vay vốn lưu động của các doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế. Thời gian hỗ trợ không quá 8 tháng đối với các khoản vay được ký kết và giải ngân từ ngày 1-2-2009 đến 31-12-2009 theo Quyết định số 131/QĐ - TTg ngày 23-1-2009 và các văn bản khác có liên quan; (2) Hỗ trợ lãi suất với mức 4%/năm cho các khoản vay vốn trung và dài hạn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Thời hạn hỗ trợ không quá 24 tháng và trước 31-12-2011 theo Quyết định số 443/QĐ - TTg ngày 4-4-2009; (3) Hỗ trợ lãi

suất các khoản vay mua máy móc thiết bị (tối đa là 24 tháng), vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng, nhà ở khu vực nông thôn (tối đa là 12 tháng), áp dụng đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng được ký kết, giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 1-5 đến ngày 31-12-2009 theo Quyết định số 497/QĐ - TTg ngày 17-4-2009. Ngoài ra, cơ chế hỗ trợ lãi suất cũng được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ Đầu tư phát triển địa phương theo văn bản số 670/TTg - KTTH ngày 5-5-2009; vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam theo Quyết định số 579/ QĐ - TTg ngày 6-5-2009. Ngay sau khi mỗi quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành, Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành liên quan đã tổ chức thực hiện, ban hành các văn bản hướng dẫn, phổ biến một cách công khai, rõ ràng, minh bạch đối với các tổ chức tín dụng thực hiện và đối tượng thụ hưởng.

Sau gần 1 năm thực hiện, (kể từ ngày có Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23-1-2009), tổng dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất tính đến đầu tháng 1-2010 đạt hơn 403 nghìn tỉ đồng (thấp hơn mức 445 nghìn tỉ đồng tại thời điểm 10-12-2009 do một số khoản tín dụng vốn lưu động ngắn hạn theo Quyết định số 131 đã đến hạn thu hồi, phạm vi, đối tượng hỗ trợ thu hẹp hoặc không tiếp tục hỗ trợ nữa). Trong đó, doanh nghiệp nhà nước chiếm 14,4%, doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 70%, còn lại là hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Hai là, về vốn đầu tư phát triển của Nhà nước, Chính phủ đã chỉ đạo tạm hoãn thu hồi các khoản vốn ngân sách đã ứng trước kế hoạch năm 2009, trừ các khoản đã được tạm ứng năm 2009 cho các công trình hoàn thành trong năm 2008, nhằm phục vụ mục tiêu kích cầu đầu tư và khắc phục tình trạng tồn đọng vật liệu từ những tháng cuối năm 2008. Tổng số vốn ứng trước được hoãn thu hồi là 3,4 nghìn tỉ đồng và ứng trước vốn ngân sách trong kế hoạch các năm 2010, 2011 cho các chương trình, dự án (như các dự án giao thông, thủy lợi cấp bách, chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo) tính đến ngày 30-6-2009 đạt 15.492 tỉ đồng cho. Trong đó, vốn ứng trước cho các cơ quan trung ương là 9.467 tỉ đồng, địa phương là 6.025 tỉ đồng. Vốn ứng trước theo Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 1-7-2009 của Thủ tướng Chính phủ trong dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2010, 2011 để bổ sung vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách, có khả năng hoàn thành trong các năm 2009, 2010 là 12.627 tỉ đồng (không kể vốn hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo).

Ứng trước vốn cho các nhiệm vụ khác như tăng kinh phí để kiên cố hóa kênh mương, đầu tư hạ tầng các làng nghề, hạ tầng thủy sản, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, bổ sung vốn điều lệ Quỹ Tín dụng nhân dân trung ương, hỗ trợ các doanh nghiệp để duy

trì lao động, mở rộng sản xuất và xuất khẩu... đạt khoảng 9.000 tỉ đồng.

Phát hành bổ sung trái phiếu Chính phủ năm 2009 cho các bộ và địa phương với tổng số tiền là 20.000 tỉ đồng. Căn cứ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thông báo kế hoạch vốn và danh mục dự án sử dụng vốn trái phiếu chính phủ bổ sung năm 2009 cho các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đến hết năm 2009 đã thực hiện giải ngân được 10 nghìn tỉ đồng.

Ba là, về thực hiện chính sách miễn, giảm, giãn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế giá trị gia tăng (GTGT),... nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp duy trì và phát triển sản xuất, kích thích đầu tư, miễn thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với một số nhóm hàng là nguyên liệu đầu vào của sản xuất và giảm phí trước bạ... cả năm đã thực hiện 20.000 tỉ đồng. Trong đó, giảm, giãn thuế TNDN khoảng 9.900 tỉ đồng; giảm thuế GTGT khoảng 4.470 tỉ đồng; miễn thuế TNCN khoảng 4.507 tỉ đồng; giảm thu lệ phí trước bạ khoảng 1.140 tỉ đồng. Đồng thời, đã tiếp tục rà soát giảm khoảng 140 tỉ đồng các khoản phí và lệ phí khác. Việc thực hiện các ưu đãi về chính sách thuế được thực hiện khẩn trương, đúng đối tượng, góp phần quan trọng giúp các doanh nghiệp ổn định sản xuất - kinh doanh, tạo chuyển biến tích cực trong nền kinh tế, hạn chế xảy ra các sai phạm, chiếm dụng tiền thuế trong quá trình thực hiện.

Bốn là, về các khoản chi khác góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Chính phủ đã cho phép dùng khoảng 2.800 tỉ đồng vốn ngân sách để tăng mua dự trữ quốc gia về gạo và xăng dầu, trong đó mua gạo là 1.300 tỉ đồng, xăng dầu là 1.500 tỉ đồng, cho phép ứng chi để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên phát sinh ngoài dự toán như hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo ăn Tết Kỷ Sửu 2009, hỗ trợ doanh nghiệp khó

khản do suy giảm kinh tế (trả lương công nhân, đóng bảo hiểm xã hội...); hỗ trợ thay thế xe công nông, xe cơ giới 3 bánh, kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh... tất cả khoảng 7.000 tỉ đồng.

Tóm lại, đến nay, quy mô gói kích thích kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội đạt khoảng 122 nghìn tỉ đồng, tương đương khoảng 6,9 tỉ USD. Mức thực hiện trong năm 2009 khoảng 100,6 nghìn tỉ đồng, tương đương khoảng 5,7 tỉ USD, số còn lại sẽ được sử dụng trong thời gian tới.

2 - Kết quả bước đầu sau 1 năm thực hiện và một số vấn đề đặt ra

Qua theo dõi, phân tích diễn biến tình hình kinh tế năm 2009 có thể nhận thấy việc thực hiện các chính sách kích thích kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội đã mang lại nhiều kết quả tích cực, toàn diện.

Nổi bật là trong bối cảnh nền kinh tế nước ta phải chịu tác động trực tiếp của khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng chỉ bị suy giảm, không rơi vào tình trạng suy thoái như các nước khác. Chúng ta đã thực hiện được mục tiêu ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì được tốc độ tăng trưởng 3,14% trong Quý I, sang Quý II tăng 4,46%, Quý III tăng 5,76%, Quý IV tăng 6,8% và cả năm tăng 5,32%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,9%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,4%, khu vực dịch vụ tăng 6,5%. Đi vào từng lĩnh vực, ngành hàng cụ thể đã chứng minh điều đó.

Sản xuất công nghiệp phục hồi khá nhanh sau khi giảm sâu trong tháng 1 (-4,4%) lại liên tục có tốc độ tăng trong các tháng tiếp theo. Tính chung cả năm 2009, giá trị sản xuất công nghiệp đạt hơn 696 nghìn tỉ đồng, tăng 7,6% so với năm 2008. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước tăng 7,3% khu vực ngoài nhà nước tăng 9,9% và khu vực có vốn

đầu tư nước ngoài tăng 8,1%. Đặc biệt, ngành xây dựng, từ mức tăng trưởng âm 0,4% về giá trị tăng thêm trong năm 2008 đã tăng 6,9% trong Quý I, tăng 9,8% trong Quý II, 11,0% trong Quý III, cả năm đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 11,3% nhờ các biện pháp hỗ trợ sản xuất, kích cầu đầu tư, bao gồm việc bổ sung thêm vốn đầu tư của nhà nước (ứng trước vốn NSNN, tăng thêm vốn trái phiếu chính phủ), khuyến khích huy động các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội như các dự án BOT, BT, xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân ở các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung,... Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng phát triển ổn định. Giá trị sản xuất toàn ngành năm 2009 tăng 3% so với năm 2008. Sản lượng lương thực vụ đông xuân vượt mức kỷ lục của năm trước (tăng 0,3%). Sản lượng thủy sản khai thác tăng 5,8%, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2008. Sự phát triển ổn định trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã tạo điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế, khắc phục thiệt hại do bão lũ gây ra, ổn định xã hội và nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời mở thêm thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp và dịch vụ. Khu vực dịch vụ nhìn chung vẫn duy trì mức tăng trưởng khá cao. Giá trị tăng thêm đạt tốc độ tăng trưởng 5,1% trong Quý I lên 5,7% trong Quý II, 6,8% trong Quý III và cả năm đạt 7,1%...

Kinh tế vĩ mô cơ bản được ổn định, các cân đối thu chi NSNN, tiền tệ, cán cân thanh toán quốc tế,... được bảo đảm, lạm phát được kiềm chế ở mức thấp. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 so với năm 2008 chỉ tăng 6,88% (thấp hơn mức tăng Quốc hội khóa XII cho phép dưới 10%). Tuy nhiên trong những tháng gần đây, giá cả đang có xu hướng tăng trở lại. Việc hỗ trợ lãi suất 4% năm vừa tạo thuận lợi giúp cho doanh nghiệp

giảm bớt khó khăn, phục hồi sản xuất, vừa hỗ trợ cho việc phát triển ổn định và an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng. Thị trường chứng khoán đang có sự phục hồi với giao dịch sôi động hơn. Chỉ số giá chứng khoán (VN-index) từ mức 235 điểm trong Quý I đã tăng dần và hiện đang dao động trong nước mạnh, phản ánh nhanh nhạy tình hình kinh tế vĩ mô và sự phục hồi của kinh tế thế giới.

Việc thực hiện các chính sách miễn, giảm, giãn thuế đã giảm bớt một phần khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, góp phần phục hồi và từng bước đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, kích cầu đầu tư và tiêu dùng. Tương tự, việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội cũng đã góp phần bảo đảm đời sống nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Các chính sách kích thích kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tiếp tục hướng vào xoa đói, giảm nghèo. Theo Tổng cục Thống kê năm 2009, tỷ lệ hộ nghèo cả nước là 12,3%, thấp hơn mức 14,8% năm 2007 và 13,4% của năm 2008. Cùng với quá trình phục hồi nền kinh tế, nhất là trong công nghiệp và xây dựng, nhu cầu tuyển dụng lao động tăng nhanh, tạo điều kiện thu hút số lao động dôi dư do suy giảm kinh tế trong thời gian qua.

Đạt được những kết quả trên trước hết là nhờ sự thống nhất, quyết tâm cao trong lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự chỉ đạo chủ động, tập trung, quyết liệt và kịp thời của Chính phủ, sự giám sát có hiệu quả của Quốc hội, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và toàn dân trong việc thực hiện các chính sách kích thích kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả to lớn nêu trên, việc thực hiện các chính sách kích thích kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội còn có một số mặt hạn chế. Đó là, khi thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn, trợ cấp, phát sinh tình trạng chưa thật bình đẳng

giữa các doanh nghiệp, cá nhân được hưởng và không được hưởng. Điều kiện, thủ tục cho vay còn quá chặt chẽ (có đại biểu Quốc hội nêu lên là tới 9 điều kiện) cho nên nông dân khó tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để làm ăn. Tình trạng vay vốn đem đi đáo nợ, sử dụng sai mục đích cũng không loại trừ. Một số trường hợp phát sinh tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Đặc biệt, việc triển khai đồng thời nhiều cơ chế hỗ trợ lãi suất cùng với việc thực thi chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tiền tệ nới lỏng có tác động làm tăng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng ở mức khá cao, gây áp lực đến lạm phát trong thời gian tới. Ngoài ra, việc thực hiện hỗ trợ lãi suất bằng VND dẫn đến chuyển dịch từ vay ngoại tệ sang VND để mua ngoại tệ nhằm giảm bớt rủi ro tỷ giá còn gây mất cân đối trên thị trường ngoại hối, tạo sức ép tăng tỷ giá, ảnh hưởng đến cán cân thanh toán.

3 - Các chính sách kích thích kinh tế có điều chỉnh trong thời gian tới

Trong thời gian tới, dự báo tình hình kinh tế và thương mại thế giới sẽ dần phục hồi trở lại, song vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Nền kinh tế nước ta trong năm 2010 tiếp tục phục hồi và sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng cao như thời kỳ trước khủng hoảng và suy thoái kinh tế thế giới. Vì vậy, cần thiết phải có các giải pháp hỗ trợ tiếp theo trong năm 2010, nhưng phải có điều chỉnh về nội dung chính sách, phạm vi và mức độ hỗ trợ theo hướng chuyên mạnh từ việc hỗ trợ tài chính (như miễn, giảm thuế,...) sang các chính sách hỗ trợ gắn với việc tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và bình đẳng trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, phát huy lợi thế so sánh và nâng cao hiệu quả đầu tư, kinh doanh. Các chính sách kích thích kinh tế phải hướng vào phục vụ các mục tiêu tái cơ cấu toàn bộ nền kinh tế và trong từng ngành,

từng lĩnh vực, từng doanh nghiệp. Trước mắt, cần đẩy mạnh việc thực hiện các giải pháp chính sách hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới để sản xuất sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa. Đẩy mạnh hơn nữa việc hỗ trợ trong đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề ở nông thôn; khuyến khích đầu tư vào các ngành, lĩnh vực tạo nhiều việc làm. Về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay vốn trung và dài hạn theo các Quyết định số 443,497/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã có bản báo cáo trình bày trước Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 6 khai mạc ngày 20-10-2009 tại Thủ đô Hà Nội, theo đó sẽ tiếp tục áp dụng trong năm 2010. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng kể từ ngày được giải ngân trong năm 2010 và đến 31-12-2011. Riêng đối với khoản vay mua vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng, thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất vẫn giữ nguyên như Quyết định số 497/QĐ-TTg là 12 tháng. Về mức hỗ trợ lãi suất, cả hai đều giảm từ 4% xuống 2%. Các đối tượng hỗ trợ 100% lãi suất điều chỉnh thành mức hỗ trợ 3%. Đồng thời sẽ đơn giản, giảm bớt các thủ tục và điều kiện cho vay, nhất là cho vay đối với các hộ nông dân vay vốn để mua vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất chế biến nông, thủy sản. Riêng đối với các khoản vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và tín dụng chính sách xã hội, năm 2010 lại trở về thực hiện các chính sách tín dụng và lãi suất ưu đãi bình thường như trước, không tiếp tục hỗ trợ lãi suất thêm như vừa qua, kể cả giải pháp hỗ trợ lãi suất vay vốn lưu động theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23-1-2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Về đầu tư phát triển của Nhà nước, tạm thời chưa thu hồi các khoản vốn đã ứng trong năm 2009 của các bộ, ngành, địa phương. Trước mắt, cho sử dụng khoản chuyển nguồn năm 2008, vượt thu và nguồn bội chi

tăng thêm năm 2009 để thanh toán các khoản tạm ứng. Nhưng, đối với số vốn NSNN và trái phiếu chính phủ đã phân giao kế hoạch đầu năm, nếu đến hết tháng 10-2009 không có khả năng thực hiện hoặc khối lượng thực hiện và giải ngân quá thấp thì sẽ điều chuyển cho các bộ, ngành địa phương khác. Đối với các khoản ứng trước NSNN và ứng trước trái phiếu Chính phủ, đến cuối năm 2009 nếu không triển khai hoặc khối lượng thực hiện thấp sẽ thu hồi số vốn chưa giải ngân nhằm chấm dứt căn bệnh trầm kha ở một số ngành là nhiều dự án đã được duyệt, cấp vốn nhưng vẫn nằm im hoặc triển khai ạch.

Về chính sách thuế, trong năm 2010 không tiếp tục áp dụng các chính sách miễn giảm nữa nhưng tiếp tục giãn thời gian nộp thuế TNDN 3 tháng đối với doanh nghiệp sản xuất, gia công dệt may, da giày,... để giúp các doanh nghiệp giảm gánh nặng thuế do dồn kỳ nộp thuế từ năm 2009. Đồng thời tiếp tục thực hiện biện pháp hoàn thuế, giãn thời gian nộp thuế nhập khẩu như năm 2009.

Cuối cùng là phải bố trí đủ kinh phí thực hiện kịp thời các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân vùng khó khăn, vùng bị thiên tai; bố trí chi dự phòng, dự trữ quốc gia để bảo đảm an ninh lương thực và chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, dịch bệnh. Theo đó là thực hiện đồng bộ các giải pháp chính sách tạo thêm việc làm mới; tăng cường cho vay giải quyết việc làm, cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó vay, tập trung triển khai chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tại 62 huyện nghèo thông qua lồng ghép các nguồn vốn theo các chương trình, dự án đã có với nguồn vốn đầu tư mới cho từng huyện. □